

QUYẾT ĐỊNH CỦA CỤC TRƯỞNG CỤC DỰ TRỮ QUỐC GIA

Về việc ban hành Quy chế Đấu thầu mua, bán lương thực dự trữ quốc gia

CỤC TRƯỞNG CỤC DỰ TRỮ QUỐC GIA

Căn cứ Nghị định số 66/CP ngày 18/10/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Dự trữ Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 137/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý lương thực dự trữ quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng ban Pháp chế và Trưởng ban Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Đấu thầu mua, bán lương thực dự trữ quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Trưởng ban, Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Cục và các Giám đốc Chi cục dự trữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ ĐẤU THẦU MUA, BÁN LƯƠNG THỰC DỰ TRỮ QUỐC GIA

*(ban hành theo Quyết định số 03/1999/QĐ-CDTQG ngày 12/1/1999
của Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia).*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này áp dụng đối với mua, bán lương thực dự trữ quốc gia theo Quyết định số 137/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Lương thực dự trữ quốc gia xuất khẩu có quy định riêng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đấu thầu mua, bán lương thực dự trữ quốc gia là quá trình lựa chọn nhà thầu đáp ứng được các yêu cầu về giá cả, điều kiện kinh tế-kỹ thuật, thời gian do bên mời thầu đặt ra trên cơ sở cạnh tranh giữa các nhà thầu.
2. Bên mời thầu là các Chi cục Dự trữ (hoặc Cục Dự trữ Quốc gia khi cần thiết) có nhu cầu mua, bán lương thực dự trữ Quốc gia bằng hình thức đấu thầu.
3. Bên dự thầu (hay nhà thầu) là các pháp nhân có đủ điều kiện dự thầu mua, bán lương thực dự trữ quốc gia.
4. Bên trúng thầu là nhà thầu được lựa chọn trong đấu thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng mua, bán lương thực dự trữ quốc gia với bên mời thầu.
5. Gói thầu là khối lượng lương thực, có chỉ tiêu chất lượng nhất định, do bên mời thầu phân chia trong từng thời gian nhất định và phù hợp với khả năng, điều kiện mua, bán của bên mời thầu. Gói thầu có thể là một phần hoặc toàn bộ khối lượng theo chỉ tiêu kế hoạch từng đợt mua, bán lương thực của bên mời thầu, nhưng ít nhất mỗi gói thầu phải có khối lượng tương ứng với khối lượng lương thực được chứa ở một khoảng kho (hoặc ngăn kho, lô hàng).
6. Mở thầu là việc mở hồ sơ dự thầu tại thời điểm đã được ấn định do Hội đồng đấu thầu thực hiện.
7. Giá bỏ thầu là số tiền tính bằng Việt Nam Đồng (VNĐ) của một tấn (hoặc kilogam) thóc (hoặc gạo) giao - nhận tại cửa kho dự trữ quốc gia (khi mua) hoặc trên phương tiện bên mua tại cửa kho dự trữ quốc gia (khi bán), do bên dự thầu ghi trong phiếu bỏ giá dự thầu.
8. Giá xét thầu là số tiền tính bằng Việt Nam Đồng (VNĐ) của một tấn (hoặc kilogam) thóc (hoặc gạo) do bên mời thầu quy định; giá này là căn cứ để trúng thầu.

Điều 3. Hình thức đấu thầu và phương thức áp dụng.

1. Hình thức đấu thầu

Có hai hình thức đấu thầu sau đây:

Đấu thầu rộng rãi là hình thức đấu thầu mà bên mời thầu không hạn chế số lượng các bên dự thầu và thông báo mời thầu trên phương tiện thông tin đại chúng.

Đấu thầu hạn chế là hình thức đấu thầu mà bên mời thầu chỉ mời một số nhà thầu có điều kiện tốt nhất đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu để tham gia dự thầu, nhưng tối thiểu phải có 3 nhà thầu tham gia dự thầu.

Đấu thầu hạn chế chỉ thực hiện đối với trường hợp đặc biệt do Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia quyết định.

2. Phương thức áp dụng:

Áp dụng phương thức đấu thầu một túi hồ sơ.

Mỗi nhà thầu phải nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu đối với từng gói thầu. Mỗi nhà thầu có thể tham gia đấu thầu một hoặc nhiều gói thầu, nhưng mỗi gói thầu chỉ được nộp một hồ sơ dự thầu.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU THẦU

Điều 4. Cơ quan tổ chức đấu thầu.

1. Các Chi cục Dự trữ tổ chức đấu thầu mua, bán số lượng lương thực dự trữ quốc gia theo Quyết định của Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia đối với các trường hợp nhập - xuất quy định tại điểm G.2 của Thông tư số 02/1999/TT-CDTQG ngày 12/01/1999 của Cục Dự trữ Quốc gia.

2. Cục Dự trữ Quốc gia tổ chức đấu thầu mua, bán lương thực dự trữ quốc gia trong trường hợp số lượng lương thực mua, bán có liên quan đến nhiều Chi cục Dự trữ và do Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia quyết định.

Điều 5. Điều kiện dự thầu.

Pháp nhân dự thầu phải có những điều kiện sau đây:

Có nhu cầu mua, bán lương thực;

Có đủ điều kiện về tài chính để dự thầu;

Hồ sơ dự thầu theo đúng quy định của bên mời thầu.

Điều 6. Nguyên tắc đấu thầu.

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức đấu thầu và xét chọn thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan trong suốt quá trình đấu thầu.

2. Tổ chức đấu thầu công khai, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các nhà thầu.

3. Bên mời thầu và bên trúng thầu có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh những cam kết về mua, bán, giao, nhận, thanh toán tiền hàng theo kết quả trúng thầu.

Điều 7. Hội đồng đấu thầu.

1. Thành lập Hội đồng đấu thầu:

Tổ chức thực hiện đấu thầu ở các Chi cục Dự trữ là Hội đồng đấu thầu do một lãnh đạo Chi cục Dự trữ làm Chủ tịch, có các thành viên là đại diện của Sở Tài chính- Vật giá tỉnh, thành phố, các Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế hoạch, Kỹ thuật bảo quản, Thanh tra bảo vệ Chi cục, và một số chuyên gia (nếu cần).

Danh sách các thành viên chính thức của Hội đồng đấu thầu của Chi cục do Giám đốc Chi cục quyết định.

Tổ chức đấu thầu ở Cục Dự trữ Quốc gia (thực hiện thông qua Hội đồng đấu thầu do một lãnh đạo Cục Dự trữ Quốc gia làm Chủ tịch, có các thành viên là đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ban

Vật giá Chính phủ, các Trưởng ban Kế hoạch, Tài chính kế toán, Kỹ thuật bảo quản, Chánh Thanh tra Cục, và một số chuyên gia (nếu cần). Danh sách các thành viên chính thức của Hội đồng đấu thầu Cục Dự trữ Quốc gia do Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia quyết định.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đấu thầu:

Các thành viên Hội đồng đấu thầu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Khi giải quyết công việc, Hội đồng đấu thầu phải căn cứ vào Quy chế đấu thầu và các quyết định khác (nếu có) của Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia.

Kết quả đấu thầu sẽ do Chủ tịch Hội đồng đấu thầu công bố.

Khi họp Hội đồng đấu thầu, phải có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Quyết định của Hội đồng đấu thầu phải được quá bán số ủy viên của Hội đồng tán thành; trường hợp có số ý kiến khác nhau mà bằng nhau, thì thủ trưởng cơ quan tổ chức đấu thầu quyết định.

Nội dung của các cuộc họp đấu thầu phải làm thành văn bản và lưu giữ theo chế độ bảo quản hồ sơ tài liệu quy định.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng đấu thầu:

Xác định lịch trình tổ chức đấu thầu cụ thể và tiến hành toàn bộ quá trình đấu thầu, bao gồm:

Lập kế hoạch đấu thầu;

Chuẩn bị hồ sơ đấu thầu;

Thông báo mời thầu;

Hướng dẫn cho các bên dự thầu

Tiếp nhận, quản lý hồ sơ dự thầu;

Xây dựng thang điểm xét thầu

Tư vấn cho thủ trưởng cơ quan tổ chức đấu thầu về giá xét thầu;

Tổ chức xét thầu theo đúng tiến độ và thủ tục quy định;

Lập báo cáo đánh giá kết quả đấu thầu;

Công bố kết quả đấu thầu.

Điều 8. Thời hạn mời thầu, nộp thầu, mở thầu và thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu:

1. Thời hạn mời thầu: chậm nhất sau 02 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định về việc mua, bán lương thực của Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia, bên mời thầu phải lập xong kế hoạch đấu thầu và tiến hành thông báo mời thầu.

2. Thời hạn nộp thầu: trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày phát hành thông báo mời thầu, bên dự thầu phải nộp hồ sơ dự thầu cho bên mời thầu. Thời hạn cuối cùng là vào hết giờ làm việc ngày cuối cùng của thời hạn nộp thầu.

3. Thời hạn mở thầu: chậm nhất sau 3 ngày kể từ sau khi hết hạn nộp thầu, bên mời thầu phải tổ chức mở thầu.

4. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu là thời hạn kể từ khi hết hạn nộp thầu đến khi công bố kết quả trúng thầu.

Điều 9. Kế hoạch đấu thầu.

Kế hoạch đấu thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

Danh sách cụ thể các gói thầu gồm: loại lương thực, số lượng, quy cách, chất lượng (có mẫu vàng), địa điểm...;

Nội dung của thông báo mời thầu;

Xác định mức tiền ký quỹ dự thầu và ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng;

Thành lập Hội đồng đấu thầu;

Xác định tiêu chuẩn xét thầu và thang điểm;

Các vấn đề khác (nếu có).

Kế hoạch đấu thầu của các Chi cục Dự trữ phải báo cáo về Cục Dự trữ Quốc gia.

Điều 10. Thông báo mời thầu:

Thông báo mời thầu phải phù hợp với hình thức đấu thầu và gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ của bên mời thầu;

b) Mô tả tóm tắt về số lượng, chất lượng, quy cách, địa điểm... từng gói thầu

c) Điều kiện dự thầu;

d) Thời hạn, địa điểm và thủ tục nhận hồ sơ mời thầu;

đ) Thời hạn, địa điểm và thủ tục nộp hồ sơ dự thầu;

e) Thời gian giờ, ngày, tháng, năm), địa điểm tổ chức mở thầu;

l) Những chỉ dẫn để tìm hiểu hồ sơ mời thầu.

Điều 11. Chỉ dẫn cho bên dự thầu.

Bên mời thầu có trách nhiệm chỉ dẫn cho các bên dự thầu về các điều kiện dự thầu, các thủ tục được áp dụng trong quá trình đấu thầu và giải đáp các câu hỏi của bên dự thầu.

Điều 12. Hồ sơ mời thầu, dự thầu.

1. Hồ sơ mời thầu gồm:

a) Thông báo mời thầu;

b) Mẫu đơn dự thầu;

c) Các yêu cầu về chủng loại, số lượng, chất lượng lương thực, bao bì...;

d) Điều kiện về tiến độ. Phương thức giao nhận hàng;